

Bản án số: 06/2021/HNGĐ- ST

Ngày 14/4/2021

V/v “Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Hồng Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Anh Tấn

Bà Nguyễn Thị Lâm

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Lương Anh Tuấn - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện P.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 14/4/2021 tại trụ sở TAND huyện P - tỉnh Phú Thọ, TAND huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05 ngày 12/3/2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Huyền T, sinh năm 1988

Nơi ĐKNKTT: xóm 2, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang

Hôm nay, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu 9, xã L, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Hôm nay, vắng mặt (không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai tiếp theo chị Nguyễn Huyền T trình bày:* Chị và anh Nguyễn Mạnh H tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L năm 2010. Sau kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh H một thời gian ngắn thì vợ chồng ra ở riêng. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh H hay uống rượu thối thoảng về đánh đập chị nên chị đã bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở Tuyên Quang từ năm 2013 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, chị đề nghị xin được ly hôn với anh H.

*Về con chung:* vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 30/01/2011. Hiện nay cháu K đang ở cùng chị T, khi ly hôn chị xin được nuôi cháu K và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

*Về tài sản chung, nợ chung, công sức:* chị T xác nhận đều không có.

\* Đối với anh Nguyễn Mạnh H: Tòa án thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh Nguyễn Mạnh H đến Tòa án để làm việc nhưng anh H đều không có mặt nên Tòa án không lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H bằng các biên bản giao cho gia đình anh H (do ông Nguyễn Đình T là bố đẻ anh H nhận và ông T cam kết chuyển đến tay cho anh H) theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

{1}Chị Nguyễn Huyền T làm đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Mạnh H và yêu cầu Tòa án giải quyết về phần con chung khi ly hôn. Do đó đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a, khoản 1 điều 35 BLTTDS.

{2}*Về quan hệ hôn nhân:* chị T và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện P, tỉnh Phú Thọ là phù hợp với luật hôn nhân gia đình Việt Nam. Theo chị T trình bày mâu thuẫn của vợ chồng do anh H hay uống rượu thối tháo về đánh đập chị nên chị đã bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở Tuyên Quang từ năm 2013 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, chị đề nghị xin được ly hôn với anh H. Về phía anh H mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và gửi các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho anh Q (do ông Nguyễn Đình T là bố đẻ nhận thay) để anh H thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nhưng anh H không có mặt.

Tòa án đã tiến hành xác minh nơi ở và nguyên nhân tranh chấp tại UBND xã L, đại diện chính quyền địa phương cung cấp: anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1979 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 9 xã L, huyện P, tỉnh Phú Thọ, hiện nay anh H vẫn có mặt tại nơi cư trú và sinh sống cùng bố đẻ là ông Nguyễn Đình T. Anh H chị T có kết hôn năm 2010 tại UBND xã L. Sau khi kết hôn hai người chung sống tại xã L, huyện P. Hiện nay chị T không còn chung sống với anh H từ khoảng năm 2013 đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chính quyền địa phương không biết rõ. Quan điểm của UBND xã là nay chị Nguyễn Huyền T làm đơn xin ly hôn anh H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích cho các bên cũng như đảm bảo cho con chung chưa thành niên.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Đình T - sinh năm 1957; địa chỉ: khu 9, xã L, huyện P, tỉnh Phú Thọ (là bố đẻ của anh Nguyễn Mạnh H) đến tòa án trình bày: anh H và chị T tự nguyện kết hôn và chung sống cùng gia đình ông từ

năm 2010. Hai người chung sống đến năm 2013 thì vợ chồng mâu thuẫn, chị T đã về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Hai bên không còn quan hệ và liên lạc từ năm 2016. Nay chị T xin ly hôn, anh H hiện do yêu cầu công việc nên không thể đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh H có đề nghị ông trình bày quan điểm về việc chị T xin ly hôn. Anh H đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung anh đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Đăng K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung cũng như công sức đóng góp hai người không có. Do điều kiện công việc nên anh H xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Về các văn bản tố tụng do Tòa án nhân dân huyện P tổng đạt cho anh H, ông T đã ký nhận và nhận trách nhiệm giao thông báo lại ngay cho anh H.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy anh H đã biết việc chị T làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh và giải quyết về con chung. Tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh H đều không có mặt để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng cũng như có quan điểm về con chung. Tại phiên tòa hôm nay, anh H vẫn không có mặt để xem xét giải quyết vụ việc. Chị T có đơn xin được xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm là xin được ly hôn với anh H vì vợ chồng sống ly thân đã lâu nên tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó xử cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

{3} *Về con chung*: Chị T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 30/01/2011, khi ly hôn chị xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị T là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật vì từ khi hai vợ chồng chị T ly thân đến nay, cháu K đã ở với chị. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và hiện anh H không có mặt tại tòa nên không có quan điểm về phân con chung. Vì vậy cần giao con chung là cháu Nguyễn Đăng K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

{4} *Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: Quá trình giải quyết vụ án, chị T x, c @Đnh vi chẳng kh<ng cả tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên, do vô ,n @-ic tiŌn hính gi¶i quyŌt, xĐt xŉ v3/4ng mÆt anh Nguyễn Mạnh H, do vĒy kh<ng @Æt ra @Ō xem xĐt gi¶i quyŌt trong vô ,n nựy.

{5} Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện VKS nhân dân huyện P có quan điểm: vụ án thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án xử cho chị Nguyễn Huyền T và anh Nguyễn Mạnh H được ly hôn và giao con chung là cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 30/01/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này. Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

{6} *Về án phí:* Chị Nguyễn Huyền T phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

\* *Về quan hệ hôn nhân:* Xử: Cho chị Nguyễn Huyền T và anh Nguyễn Mạnh H ly hôn.

\* *Về con chung:* Giao con chung Nguyễn Đăng K, sinh ngày 30/01/2011 cho chị Nguyễn Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Hai bên đều có quyền, nghĩa vụ như nhau trong việc giáo dục con chung không ai được ngăn cấm.

\* *Về tài sản chung, nợ chung, công sức:* Kh«ng ®Æt ra ®Ó xem xÐt gi¶i quyÕt trong v« ,n nuy.

\* *Về án phí:* Chị Nguyễn Huyền T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001658 ngày 24/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Thọ. Chị T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

*Bản án ®-íc thi hµnh theo quy ®Þnh t¶i §iÒu 2 LuËt thi hµnh ,n d©n sù th×ng-êi ®-íc thi hµnh ,n d©n sù, ng-êi ph¶i thi hµnh ,n d©n sù cũa quyÕn tho¶ thuËn thi hµnh ,n, quyÕn yªu cÇu thi hµnh ,n, tù nguyÕn thi hµnh ,n hoÆc b¶ c-ìng chÕ thi hµnh ,n theo quy ®Þnh t¶i c,c §iÒu 6, 7 vµ 9 LuËt thi hµnh ,n d©n sù; thêi hiÒu thi hµnh ,n ®-íc thùc hiÖn theo quy ®Þnh t¶i §iÒu 30 LuËt thi hµnh ,n d©n sù.*

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKS ND tỉnh, huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu: HS-VP (10).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Hồng Vân**